TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1080/2021/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 426/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1967.

Trú tại: E13/411B ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đủ: Ông Nguyễn H, sinh năm 1978. Địa chỉ: tổ 5, Khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà Lưu Thị Ngọc S, sinh năm 1966.

Trú tại: E13/411A ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 42, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1/ Ông Ngô Thành Chức, sinh năm 1968.

Trú tại: ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Bình Chánh.

Đại diện theo Ủy quyền: Ông Bùi Phan Thanh T.

Địa chỉ: 79 Tân Túc, thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn H -Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Xuân M – Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lưu Thị Ngọc

S và Đại diện Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Bình Chánh ông Bùi Phan Thanh T cùng thỏa thuận:

1. Toàn bộ nhà, đất nằm trong khuôn viên tại hai địa chỉ E13/411A và E13/411B ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 252,6 m^2 (Theo Bản đồ hiện trạng, vị trí- áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên môi trường ngày 25/5/2021) trong đó có 123 m^2 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001/1B QSDĐ/363/UB ngày 18/01/2000 là tài sản chung của bà Lưu Thị Ngọc S và bà Mai Thị Đ.

3. Các đương sự thỏa thuận phân chia như sau:

- Bà Lưu Thị Ngọc S được sở hữu phần nhà và đất tại địa chỉ số E13/411A ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện trên Bản đồ hiện trạng, vị trí- áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên môi trường ngày 25/5/2021 có ký hiệu từ (2); (3), (4); (5); (6); (7); (8); (9); (10) có tổng diện tích là 97,6 m^2 (Chín mươi bảy phẩy sáu mét vuông).

Với hiện trạng: Ngoài ranh giải phóng mặt bằng là 47,6 m^2, ngoài lộ giới là 50,0 m^2 (trong đó theo giấy chứng nhận số 00001/1B QSDĐ/363/UB trong lộ giới là 9,2 m^2 , ngoài lộ giới là 47,3 m^2)

- Bà Mai Thị Đủ được sở hữu phần nhà và đất tại địa chỉ số E13/411B ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh Minh được thể hiện trên Bản đồ hiện trạng, vị trí- áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên môi trường ngày 25/5/2021 có ký hiệu từ (11); (12); (13); (14); (15); (16); (17); (18); (19) có tổng diện tích là 97,7 m^2 (Chín mươi bảy phẩy bảy mét vuông).

Với hiện trạng: Ngoài ranh giải phóng mặt bằng là 34,6 m^2, ngoài lộ giới là 63,1 m^2 (trong đó theo giấy chứng nhận số 00001/1B QSDĐ/363/UB trong lộ giới là 8,8 m^2 , ngoài lộ giới là 57,7 m^2).

- Bà Mai Thị Đ và bà Lưu Thị Ngọc S được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Bình Chánh xác định phần đất có ký hiệu (1) thể hiện trên bản đồ hiện trạng, vị trí- áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên môi trường ngày 25/5/2021 đã giải tỏa làm đường được bồi thường số tiền là 672.778.736 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng). Số tiền này Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Bình Chánh bằng đang quản lý.

Bà Đ và bà S thỏa thuận phân chia số tiền trên như sau:

- Bà Mai Thị Đ được chia 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

- Bà Lưu Thị Ngọc S được chia 172.778.736 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh (nếu có).

- Số tiền đo vẽ và xem xét thẩm định tại chỗ là 14.000.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa. Bà S có trách nhiệm hoàn lại cho bà Đ là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

3. Về án phí:

Bà Lưu Thị Ngọc S phải nộp là 15.215.575 đồng. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.091.400 đồng theo biên lai thu số 06757 ngày 08/4/2014 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S còn phải nộp là 13.124.175 đồng (Mười ba triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng).

Bà Mai Thị Đ phải nộp là: 20.827.500 đồng. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 022987 ngày 02/8/2010 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S còn phải nộp là 18.327.500 đồng (Mười tám triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Toà án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Nhung